



®

Phong lan

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG

HAI PHONG ELECTRICAL MECHANICAL JOINT STOCK



Annual Report

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022



| | | |
|-------|--|----|
| I. | THÔNG TIN CHUNG..... | 03 |
| II. | QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN..... | 04 |
| III. | NGÀNH NGHỀ KINH DOANH..... | 05 |
| IV. | CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ..... | 06 |
| V. | TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ..... | 07 |
| VI. | QUẢN TRỊ CÔNG TY..... | 12 |
| VII. | HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH..... | 23 |
| VIII. | NĂNG LỰC SẢN XUẤT TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ..... | 36 |
| IX. | CƠ CẤU VÀ CÁC CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG..... | 38 |
| X. | CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY..... | 39 |
| XI. | TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM..... | 40 |
| | PHỤ LỤC..... | 42 |

I. THÔNG TIN CHUNG



Tên Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG

Tên tiếng Anh:

HAI PHONG ELECTRICAL MECHANICAL JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: HAPEMCO.

Trụ sở chính: 734 Nguyễn Văn Linh, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.

Điện thoại: +84-225-3835927 Fax: +84-225-3857393

Website: www.hapemco.vn Email: diencohaiphong@hapemco.vn

Người đại diện: Ông Mai Văn Minh - Tổng Giám đốc.

Vốn điều lệ: **94.922.000.000** đồng.

Vốn điều lệ thực góp: **94.922.000.000** đồng.

Số đăng ký kinh doanh: 0200 580 118.

Mã số thuế: 0200 580 118.

Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam,
Chi nhánh Hồng Bàng, TP Hải Phòng.

Niêm yết tại: Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Tên cổ phiếu: Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng.

Mã cổ phiếu: DHP.

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tổng số lượng niêm yết: 9.492.200 cổ phiếu.

Tổng giá trị niêm yết: 94.922.000.000 đồng (theo mệnh giá).

Logo thương hiệu sản phẩm:



Phong lan

Thương hiệu quạt điện
dân dụng “Phong Lan”



Thương hiệu quạt điện
công nghiệp “GALE”

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



- Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng là một trong những đơn vị công nghiệp đầu tiên của thành phố, được thành lập ngay sau khi Hải Phòng giải phóng, và miền Bắc bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm hậu phương vững chắc cho miền Nam. Tiền thân của Công ty là xí nghiệp Hải Phòng điện khí (thành lập năm 1961) được sáp nhập từ 3 cơ sở công ty hợp doanh nhỏ trong nội thành. Tuy nhỏ nhưng công ty lại có nhiều điều kiện phát triển bởi một ngành hàng đặc biệt là các loại quạt điện và động cơ điện.

- Đến năm 1986, Xí nghiệp Hải Phòng Điện khí được đổi tên thành Xí nghiệp Điện cơ Hải Phòng. Giai đoạn này các sản phẩm của Xí nghiệp gần như độc quyền, sản xuất tới đâu tiêu thụ hết đến đó, uy tín ngày càng được nâng cao nhưng xí nghiệp vẫn không ngừng nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm, nhất là các loại quạt điện, động cơ điện, máy hàn, trong đó quạt điện mang nhãn hiệu “Phong Lan” là chủ yếu và nhanh chóng nổi tiếng khắp nơi.

- Sau 02 lần chuyển đổi mô hình hoạt động, tháng 01 năm 2004 Công ty được đổi tên thành Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng. Từ đó đến nay, công ty càng có điều kiện tăng cường đầu tư, đổi mới thiết bị máy móc, chăm lo tới yếu tố con người, thị trường và nhiều lĩnh vực thiết yếu khác.

- Bên cạnh đó Công ty Mitsubishi của Nhật Bản đã tin tưởng lựa chọn Điện cơ Hải Phòng là nhà phân phối độc quyền sản phẩm quạt điện tại Việt Nam từ Đà Nẵng trở ra.

- Cuối năm 2008, Công ty đã đầu tư công nghệ, trang thiết bị để sản xuất dòng quạt điện công nghiệp mang thương hiệu Gale. Hiện nay thương hiệu Gale của Công ty đã được người tiêu dùng khắp cả nước nhiệt tình ủng hộ. Để chuyên nghiệp hóa sản phẩm kể cả về chủng loại và mẫu mã sản phẩm, năm 2011, Hội đồng quản trị đã đầu tư cơ sở mới chuyên sản xuất quạt điện công nghiệp Gale tại khu công nghiệp Quán Trữ - Kiến An – Hải Phòng với diện tích gần 8.000m².



- Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn duy trì thực hiện quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015 và áp dụng mô hình quản lý 5S đối với các Phân xưởng sản xuất do tổ chức JIKA Nhật Bản tư vấn và hỗ trợ.

- Năm 2018, Công ty đã tìm hiểu và mở rộng thị trường xuất khẩu sang Myanmar, đồng thời trong năm 2019 sản lượng xuất khẩu của Công ty đến thị trường này đạt hơn 50.000 loại quạt các loại.

III. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



1. Ngành nghề chính:

- Sản xuất quạt gia dụng, các linh kiện thiết bị điện liên quan đến ngành quạt; tủ lạnh, tủ ướp lạnh, máy rửa bát, máy giặt và sấy khô, máy hút bụi, máy lau sàn, máy nghiền rác, máy xay, nghiền, ép hoa quả, mở hộp, máy cạo râu điện, đánh răng điện và các thiết bị dùng cho cá nhân bằng điện khác, máy mài dao, quạt thông gió, máy đun nước bằng điện, chăn điện, máy sấy, cuộn tóc bằng điện, bàn là điện, máy sưởi và quạt gia dụng, lò điện, lò vi sóng, bếp điện, lò nướng bánh, máy pha cà phê, chảo rán, quay, nướng, hấp, điện trở;
- Đại lý các loại quạt gia dụng, quạt công nghiệp, máy móc, thiết bị công nghiệp; môi giới các loại hàng máy móc, thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất đồ điện dân dụng
- Đại lý, môi giới, đấu giá
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
- Sản xuất máy thông dụng khác
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Đại lý du lịch
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, gương tủ, bàn ghế và đồ nội thất
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic



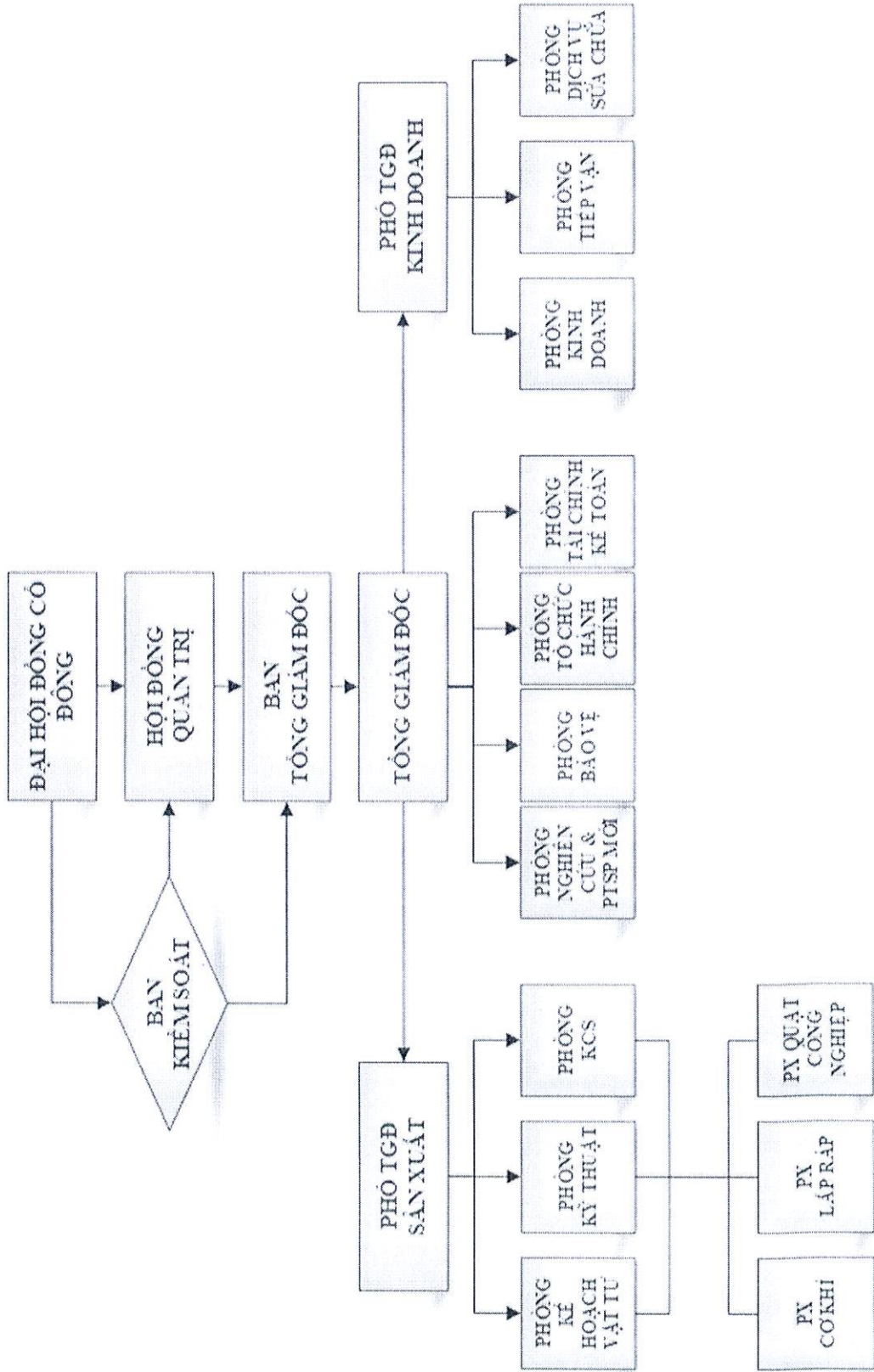
2. Địa bàn kinh doanh chính:

- Trụ sở chính: Số 734 Nguyễn Văn Linh, p.Niệm Nghĩa, q.Lê Chân, TP Hải Phòng.
- Showroom trưng bày sản phẩm: Số 734 Nguyễn Văn Linh, p.Niệm Nghĩa, q.Lê Chân, TP Hải Phòng.
- Cửa hàng bán và giới thiệu sản phẩm: Số 20 Đình Tiên Hoàng, p.Hoàng Văn Thụ, q.Hồng Bàng, TP Hải Phòng.

IV. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG 2021



V. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



DANH SÁCH VÀ CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày sinh | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) |
|----------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|
| Mai Văn Minh | Tổng Giám đốc | 17/01/1972 | 201,394 | 2.12% |
| Lê Thị Bích Huệ | Phó Tổng giám đốc | 12/06/1967 | 352,625 | 3.71% |
| Nguyễn Minh Chung | Phó Tổng giám đốc | 24/05/1986 | 100,009 | 1.05% |
| Trịnh Thị Lan Phương | Kế toán trưởng | 21/10/1971 | 120,277 | 1.26% |

1. Tổng giám đốc – Mai Văn Minh

Họ và tên : **MAI VĂN MINH**
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 17/01/1972
Nơi sinh : Định Công – Yên Định – Thanh Hóa
CMND : 031072012293 cấp ngày 10/05/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Số 26, tổ 10, Trại Lê, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.
Chỗ ở hiện tại : Số 02 đường Vũ Hải, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng .
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ công tác |
|--------------------|-----------------------------------|---|
| Năm 1997 | Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng | Nhân viên |
| Từ năm 1998 - 2002 | Công ty Điện cơ Hải phòng | Phó phòng Kế hoạch |
| Từ năm 2003 - 2005 | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải phòng | Phó phòng Cung tiêu, TV-HĐQT (năm 2004) |
| Từ năm 2006 - 2007 | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải phòng | TV-HĐQT, Trưởng phòng Kinh doanh |
| Từ năm 2008 - 2011 | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải phòng | TV-HĐQT, Trưởng phòng Kế hoạch |
| Từ năm 2012 - 2018 | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải phòng | TV-HĐQT, Phó Tổng giám đốc |
| T4/2018 - T4/2022 | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải phòng | TV-HĐQT, Tổng giám đốc |
| T5/2022 đến nay | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải phòng | Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc |

V. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (...tiếp)



Chức vụ hiện nay : Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc CTCP Điện cơ Hải Phòng

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không

Lợi ích liên quan đối với công ty : Không

Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 201,394 cổ phần

Số cổ phần đại diện : Không

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Không

2. Phó Tổng Giám đốc - Bà Lê Thị Bích Huệ:

Họ và tên : **LÊ THỊ BÍCH HUỆ**

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 12/06/1967

Nơi sinh : Thái Thụy - Thái Bình

CMND : 031167010524 cấp ngày 03/08/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số 5/55 lương Khánh Thiện – Ngô Quyền - Hải phòng

Chỗ ở hiện tại : Số 5/55 lương Khánh Thiện – Ngô Quyền - Hải phòng

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ công tác |
|----------------------|---|---|
| Từ năm 1989 - 1999 | Chi nhánh Công ty XNK Hà Nam Ninh tại Hải phòng | Cán bộ nghiệp vụ |
| Từ năm 2000 - 2003 | Công ty Điện cơ Hải phòng | Phó phòng TCKT |
| Từ năm 2004 đến 2012 | Công ty cổ phần Điện cơ Hải phòng | Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng. |
| Năm 2012 đến T1/2016 | Công ty cổ phần Điện cơ Hải phòng | Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. |
| T1/2016 đến T4/2022 | Công ty cổ phần Điện cơ Hải phòng | Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc |
| T5/2022 đến nay | Công ty cổ phần Điện cơ Hải phòng | TV HĐQT, Phó Tổng giám đốc |

V. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (...tiếp)

| | | |
|---|---|--|
| Chức vụ hiện nay | : | TV-HĐQT Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng, Phó Tổng giám đốc. |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác | : | Không |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| Các khoản nợ đối với công ty | : | Không |
| Lợi ích liên quan đối với công ty | : | Không |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân | : | 352,625 cổ phần |
| Số cổ phần đại diện | : | Không |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty | : | Nguyễn Thị Hồng Trang (con gái) nắm giữ 6000 cổ phần. |

3. Phó Tổng giám đốc – Nguyễn Minh Chung:

| | | |
|---------------------|---|--|
| Họ và tên | : | NGUYỄN MINH CHUNG |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày sinh | : | 24/05/1986 |
| Nơi sinh | : | Đà Nẵng |
| CMND | : | 031171002197 cấp ngày 25/07/2016 tại CA Hải Phòng |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | : | Số 12, Lê Văn Thuyết, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng |
| Chỗ ở hiện tại | : | Số 12, Lê Văn Thuyết, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng |
| Trình độ văn hóa | : | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : | Kỹ sư |

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---------------------|-----------------------------------|--|
| T11/2010 – T06/2012 | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Nhân viên Phòng Kỹ thuật |
| T07/2012 - T08/2012 | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Phó quản đốc PX Lắp ráp |
| T09/2012 - T04/2021 | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Quản đốc PX lắp ráp, Phó phòng Kế hoạch Vật Tư, Quản đốc PX Cơ khí |
| T05/2021 đến nay | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Phó Tổng Giám đốc |
| T05/2022 đến nay | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | TV-HĐQT, Phó Tổng giám đốc |

V. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (...tiếp)

| | | |
|---|---|--|
| Chức vụ hiện nay | : | TV-HDQT Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng, Phó Tổng giám đốc. |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác | : | Không |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| Các khoản nợ đối với công ty | : | Không |
| Lợi ích liên quan đối với công ty | : | Không |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân | : | 100,009 cổ phần |
| Số cổ phần đại diện | : | Không |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty | : | Bố vợ: Hoàng Hữu Khâm - 560 cổ phần Mẹ vợ: Đàm Thị Lan - 1080 cổ phần |

4. Kế toán trưởng – Trịnh Thị Lan Phương:

| | | |
|---------------------|---|--|
| Họ và tên | : | TRỊNH THỊ LAN PHƯƠNG |
| Giới tính | : | Nữ |
| Ngày sinh | : | 21/10/1971 |
| Nơi sinh | : | Hải Dương |
| CMND | : | 031171002197 cấp ngày 25/07/2016 tại CA Hải Phòng |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | : | Số 11/77 Trần Phú, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng |
| Chỗ ở hiện tại | : | Số 11/77 Trần Phú, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng |
| Trình độ văn hóa | : | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân kinh tế |

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|------------------------|-----------------------------------|---|
| Từ năm 1996 - 2004: | Xi nghiệp Điện cơ Hải Phòng | Nhân viên kế toán |
| Từ năm 2005 - 6/2012: | Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Phó phòng Kế toán |
| Từ T7/2012 - T10/2015: | Công ty Cổ phần Điện cơ Phong Lan | Kế toán trưởng, TV Ban kiểm soát CTCP Điện cơ Hải Phòng |
| T1/2016 đến nay | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Kế toán trưởng |
| T4/2017 đến nay | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | TV-HDQT, Kế toán trưởng |

V. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (...tiếp)

| | | |
|---|---|---|
| Chức vụ hiện nay | : | TV-HDQT Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng Kế toán trưởng |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác | : | Không |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| Các khoản nợ đối với công ty | : | Không |
| Lợi ích liên quan đối với công ty | : | Không |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân | : | 120,277 cổ phần |
| Số cổ phần đại diện | : | Không |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty | : | Vũ Thị Nhiệm (mẹ đẻ) nắm giữ 5327 cổ phần. |



VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày sinh | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) | Ghi chú |
|----------------------|-------------------|------------|--------------------|-----------|----------------------|
| Hoàng Thanh Hải | Chủ tịch HĐQT | 01/02/1964 | 1,307,254 | 13.77% | Thành viên điều hành |
| Mai Văn Minh | Phó chủ tịch HĐQT | 17/01/1972 | 201,394 | 2.12% | Thành viên điều hành |
| Lê Thị Bích Huệ | Thành viên HĐQT | 12/06/1967 | 352,625 | 3.71% | Thành viên điều hành |
| Nguyễn Minh Chung | Thành viên HĐQT | 24/05/1986 | 100,009 | 1.05% | Thành viên điều hành |
| Trịnh Thị Lan Phương | Thành viên HĐQT | 21/10/1971 | 120,277 | 1.26% | Thành viên điều hành |

SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT:

1. Chủ tịch HĐQT: Ông Hoàng Thanh Hải

2. Phó chủ tịch HĐQT: Ông Mai Văn Minh

Đã giới thiệu trong phần Tổ chức và Nhân sự/Ban điều hành

3. Thành viên HĐQT: Bà Lê Thị Bích Huệ

Đã giới thiệu trong phần Tổ chức và Nhân sự/Ban điều hành

4. Thành viên HĐQT: Ông Nguyễn Minh Chung

Đã giới thiệu trong phần Tổ chức và Nhân sự/Ban điều hành

5. Thành viên HĐQT: Bà Trịnh Thị Lan Phương

Đã giới thiệu trong phần Tổ chức và Nhân sự/Ban điều hành

VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY (...tiếp)



1. Chủ tịch HĐQT - Ông Hoàng Thanh Hải

Họ và tên : **HOÀNG THANH HẢI**
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 01/02/1964
Nơi sinh : Hoà Bình - Thủy Nguyên - Hải Phòng
CMND : 030806809 cấp ngày 25/08/2006 tại CA Hải Phòng
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Số 65 Đường Nguyễn Đức Cảnh - Phường An Biên - Quận Lê Chân – Hải Phòng
Chỗ ở hiện tại : Số 65 Đường Nguyễn Đức Cảnh - Phường An Biên - Quận Lê Chân – Hải Phòng
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ công tác |
|------------------------|---|--------------------------------------|
| Từ năm 1982 - 1984 | Học tập Trường sỹ quan chính trị quân đội | Học viên |
| Từ năm 1985 - 1989 | Học nghề tại trường công nhân cơ khí đóng tàu 1 | Học viên |
| Từ năm 1989 - 1992 | Công ty Điện cơ Hải phòng | Nhân viên |
| Từ năm 1993 - 1996 | Công ty Điện cơ Hải phòng | Phó phòng vật tư |
| Từ năm 1997 - 2000 | Công ty cổ phần Điện cơ Hải phòng | Trưởng phòng Vật tư |
| Từ năm 2001- T5/2012 | Công ty cổ phần Điện cơ Hải phòng | Phó Giám đốc, Phó CT HĐQT (năm 2004) |
| Từ T6/2012 đến T4/2018 | Công ty cổ phần Điện cơ Hải phòng | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| T4/2018 đến nay | Công ty cổ phần Điện cơ Hải phòng | Chủ tịch HĐQT |

VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY (...tiếp)



| | |
|---|---|
| Chức vụ hiện nay | : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng. |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác | : Không |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : Không |
| Các khoản nợ đối với công ty | : Không |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác | : Thù lao Hội đồng quản trị |
| Lợi ích liên quan đối với công ty | : Không |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân | : 1.307.254 cổ phần |
| Số cổ phần đại diện | : Không |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty | : + Nguyễn Thu Hà (vợ) nắm giữ 6.600 cổ phần + Hoàng Tú Anh (con gái) nắm giữ 5000 cổ phần + Hoàng Văn Hưng (em trai) nắm giữ 972 cổ phần |

VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY (...tiếp)



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và Cơ cấu của Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày sinh | Số cổ phần nắm giữ |
|----------------|-----------------------|------------|--------------------|
| Trần Tuấn Linh | Trưởng Ban kiểm soát | 19/07/1981 | 0 |
| Vũ Duy Anh | TV Ban Kiểm soát | 22/09/1984 | 4.000 |
| Bùi Thị Huệ | TV Ban kiểm soát, Thư | 09/02/1981 | 500 |

SƠ YẾU LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Trưởng Ban kiểm soát – Ông Trần Tuấn Linh

Họ và tên : **TRẦN TUẤN LINH**
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 19/07/1981
Nơi sinh : Hà Nội
CMND : 001081054431 cấp ngày 25/12/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 24/571 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng
Chỗ ở hiện tại : 24/571 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân quản trị

Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|
| T4/2010-T3/2015 | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Nhân viên Phòng Kế hoạch Vật tư |
| T4/2015 đến nay | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính |
| T10/2019 đến nay | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Người CBTT |
| T3/2020 đến nay | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Người phụ trách quản trị Công ty |
| T1/2021 đến nay | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Kiểm TP-Kinh doanh |
| T5/2022 đến nay | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Trưởng Ban kiểm soát |
| T12/2022 đến nay | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Chủ tịch Công đoàn Công ty |

VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY (...tiếp)



| | |
|---|--|
| Chức vụ hiện nay | : Trưởng BKS, Phó phòng TCHC kiêm TP - Kinh doanh, Người CBTT, Người Quản trị Công ty, Chủ tịch Công đoàn. |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác | : Không |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : Không |
| Các khoản nợ đối với công ty | : Không |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác | : Thù lao BKS |
| Lợi ích liên quan đối với công ty | : Không |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân | : 0 cổ phần |
| Số cổ phần đại diện | : Không |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty | : Bó đê: Trần Văn Long - 265.369 cổ phần Em rể: Phan Quang Huy - 300.000 cổ phần |

2. Ủy viên Ban Kiểm soát – Ông Vũ Duy Anh

Quá trình công tác:

| | |
|---------------------|--|
| Họ và tên | : VŨ DUY ANH |
| Giới tính | : Nam |
| Ngày sinh | : 22/09/1984 |
| Nơi sinh | : Thái Bình |
| CMND | : 034084006934 cấp ngày 28/12/2016 tại Cục CS |
| Quốc tịch | : Việt Nam |
| Dân tộc | : Kinh |
| Địa chỉ thường trú | : Thôn Văn Cú, Xã An Đông, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng |
| Chỗ ở hiện tại | : Thôn Văn Cú, Xã An Đông, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng |
| Trình độ văn hóa | : 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : Kỹ sư |

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---------------------|---|---------------------------|
| Từ năm 2003 - 2005 | Học tại Trường Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật Nam Định | |
| Tháng 02/2006 | Làm việc tại CTCP Điện cơ Hải Phòng | Nhân viên |
| Từ T11/2015-T1/2018 | Phòng KCS Công ty | Phó phòng, TV BKS |
| Từ T2/2018 đến nay | Phòng KCS | Trưởng phòng KCS, TV -BKS |

VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY (...tiếp)



| | |
|---|--|
| Chức vụ hiện nay | : Thành viên BKS, Trưởng phòng KCS Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác | : Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : Không |
| Các khoản nợ đối với công ty | : Không |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác | : Thù lao BKS Công ty |
| Lợi ích liên quan đối với công ty | : Không |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân | : 0 cổ phần |
| Số cổ phần đại diện | : Không |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty | : Không |

3. Ủy viên Ban Kiểm soát kiêm Thư ký BKS – Bà Bùi Thị Huệ

| | |
|---------------------|--|
| Họ và tên | : BÙI THỊ HUỆ |
| Giới tính | : Nữ |
| Ngày sinh | : 09/02/1981 |
| Nơi sinh | : Nam Định |
| CCCD | : 036181021137 |
| Quốc tịch | : Việt Nam |
| Dân tộc | : Kinh |
| Địa chỉ thường trú | : Thủy Triều - Thủy Nguyên - Hải Phòng |
| Chỗ ở hiện tại | : Thủy Triều - Thủy Nguyên - Hải Phòng |
| Trình độ văn hóa | : 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : Tài chính kế toán |

Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|------------------|------------------------|--|
| T2/2007-T2/2012 | CTCP Điện cơ Hải Phòng | Thống kê Phân xưởng ép nhựa |
| T2/2012-T8/2018 | CTCP Điện cơ Hải Phòng | Thống kê Phân xưởng cơ khí |
| T8/2018-T10/2019 | CTCP Điện cơ Hải Phòng | Thống kê Phân xưởng cơ khí kiêm Phó quản đốc |
| T10/2019 đến nay | CTCP Điện cơ Hải Phòng | Thống kê Phân xưởng cơ khí |

VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY (...tiếp)



| | |
|---|---|
| Chức vụ hiện nay | : Thành viên BKS, Thống kê Phân xưởng cơ khí - CTCP Điện cơ Hải Phòng |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác | : Không. |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : Không |
| Các khoản nợ đối với công ty | : Không |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác | : Thù lao BKS Công ty |
| Lợi ích liên quan đối với công ty | : Không |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân | : 500 cổ phần |
| Số cổ phần đại diện | : Không |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của | : Không |

Hoạt động của Hội đồng Quản trị: HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT.

Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức họp trực tiếp các cuộc họp, gồm các thành viên cụ thể như sau:

Ngày 18/02/2022, HĐQT họp bàn và thống nhất các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất năm 2022 .

Ngày 08/03/2022, HĐQT họp ấn định ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022, phân công nhiệm vụ các thành viên, các bộ phận. Chuẩn bị các nội dung của Đại hội thường niên, Đại hội nhiệm kỳ 5 năm 2022-2027. Đồng thời xem xét các báo cáo trình ĐHĐCĐ. Đề án nhân sự của HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.

Ngày 27/04/2022 HĐQT họp chốt danh sách ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027, rà soát lại các nội dung chuẩn bị cho công tác ĐHĐCĐ thường niên 2022 được tổ chức tại ngày 06/05/2022.

Ngày 09/05/2022: HĐQT công ty nhiệm kỳ 2022-2027 họp lần thứ nhất, tại cuộc họp HĐQT đã nhất trí bầu Ông Hoàng Thanh Hải là Chủ tịch HĐQT và Ông Mai Văn Minh là Phó Chủ tịch HĐQT. Đánh giá kết quả của ĐHĐCĐ đã được tổ chức thành công tại ngày 06/05/2022. Phân công trách nhiệm của các thành viên trong HĐQT và triển khai nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thường niên 2022 thông qua.

VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY (...tiếp)



Hoạt động của Hội đồng Quản trị (tiếp theo...):

Ngày 18/05/2022: HĐQT Công ty họp đánh giá tình hình công tác bán hàng 05 tháng đầu năm, đánh giá tình hình tài chính công ty, thống nhất về việc triển khai vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Hồng Bàng, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Đông Hải Phòng để tiếp tục duy trì nguồn tính dụng tại 2 ngân hàng phục vụ cho việc mua bán vật tư, linh kiện... phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2022. Tại cuộc họp cũng nêu ra định hướng về việc đầu tư một số sản phẩm mới cho năm 2023: gồm quạt rút 400, quạt treo 400, quạt treo 230, quạt sàn công nghiệp 450.

Ngày 26/09/2023: HĐQT công ty họp đánh giá tình hình hoạt động SXKD 09 tháng đầu năm 2022. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong sản xuất tiêu thụ hàng hoá 09 tháng năm 2022: sản lượng tiêu thụ thấp, tồn kho cao. Lãi suất ngân hàng tăng cao, là những khó khăn rất lớn cho doanh nghiệp. HĐQT nắm tình hình thực hiện dự án đầu tư 04 sản phẩm mới (Quạt rút, quạt treo 400; Quạt treo 230; Quạt sàn 450). Phân công các bộ phận tích cực đôn đốc, hoàn thiện khuôn mẫu để kịp thời phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023. Đánh giá công tác tiêu thụ sản phẩm 10 tháng năm 2022, kết quả các nhóm sản phẩm sản xuất tại công ty thực hiện đạt tỷ lệ thấp so với kế hoạch đã xây dựng. Phân tích những nguyên nhân dẫn tới sự sụt giảm về sản lượng bán hàng do: Giá cao, mẫu mã chưa cải tiến, chất lượng sản phẩm chưa kiểm soát tốt còn bị lỗi nhiều. Tại cuộc họp này HĐQT nêu định hướng cho sản xuất kinh doanh 2023 khi đã có kế hoạch đầu tư mẫu mã sản phẩm, phương châm năm 2023 phải tăng sản lượng quạt gia dụng và quạt công nghiệp, thúc đẩy bán hàng để khấu hao nhanh khuôn mẫu đã đầu tư.

Ngày 06/12/2022: HĐQT họp nêu định hướng xây dựng kế hoạch sản xuất năm 2023, đạt mục tiêu đột phá tăng sản lượng quạt gia dụng, mở rộng thị trường tiêu thụ, bán trực tiếp sản phẩm tới các nhà phân phối, sản xuất hàng OEM, đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu. Đánh giá kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh năm 2022, quyết định việc chi tạm ứng 5% cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt.

** Ngày 06/5/2022: CTCP Điện cơ Hải Phòng đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tại Hội trường trụ sở Công ty.*

VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY (...tiếp)



Hoạt động của Hội đồng Quản trị (tiếp theo...):

KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

| STT | Nội dung | ĐVT | Kế hoạch 2022 | Thực hiện 2022 | Phần trăm (%) |
|-----|--|------|-----------------|-----------------|---------------|
| 01 | Quạt điện dân dụng Phong Lan | Cái | 220.000 | 171.168 | 77.80 |
| 02 | Quạt công nghiệp Gale | Cái | 40.000 | 29.616 | 74.04 |
| 03 | Quạt nhập khẩu Mitsubishi | Cái | 70.000 | 72.754 | 104 |
| 04 | Lồng quạt các loại | Bộ | 520.000 | 421.789 | 81 |
| 05 | Vật tư, linh kiện, gia công... | Đồng | 35.000.000.000 | 37.038.568.086 | 105.82 |
| 06 | Tổng doanh thu | Đồng | 286.000.000.000 | 263.223.955.638 | 92.04 |
| 07 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | Đồng | 13.000.000.000 | 13.892.763.960 | 107 |
| | Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động SXKD | Đồng | | 13.492.763.960 | |
| | Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động đầu tư vốn | Đồng | | 400.000.000 | |
| 08 | Phương án chi trả cổ tức | % | 10%/MGCP/VĐL | 10%/MGCP/VĐL | |
| 09 | Nộp NSNN | Đồng | 12.000.000.000 | 9.017.721.268 | 75.15 |
| 10 | Thu nhập bình quân người lao động | Đồng | 8.550.000 | 8.700.000 | 102 |

Cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của Công ty trên các phương tiện truyền thông. Trong đó kênh thông tin chủ yếu là website của Công ty: www.hapemco.vn. Tiếp nhận và phản hồi những thắc mắc, yêu cầu thông tin của các nhà đầu tư quan tâm đến DHP, đồng thời là kết nối các nhà đầu tư và HĐQT, Ban TGD Công ty. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022, bầu cử các Thành viên HĐQT và Thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2027 theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.

Không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.



Hoạt động của Hội đồng Quản trị (tiếp theo...):

- Chỉ đạo Ban TGD đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022. Do đó, trong quá trình triển khai các nhiệm vụ đề ra giữa HĐQT và Ban TGD luôn có sự trao đổi thường xuyên và đạt được sự đồng thuận cao trong công tác quản lý điều hành.
- Cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của Công ty trên các phương tiện truyền thông. Trong đó kênh thông tin chủ yếu là website của Công ty: www.hapemco.vn. Tiếp nhận và phản hồi những thắc mắc, yêu cầu thông tin của các nhà đầu tư quan tâm đến DHP, đồng thời là kết nối các nhà đầu tư và HĐQT, Ban TGD Công ty. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.
- Không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY (...tiếp)



Các nghị quyết của Hội đồng quản trị: Trong năm 2021, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành 06 văn bản, trong đó có 04 Nghị quyết, 02 Quyết định (Quyết định của Tổng Giám đốc về việc tạm ứng cổ tức năm 2021 và chi trả cổ tức còn lại năm 2021) để quản lý các hoạt động của Công ty.

| STT | Số văn bản | Ngày | Nội dung |
|-----|-----------------|------------|---|
| 1 | 01/2022/NQ-HĐQT | 18-02-2022 | Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh |
| 2 | 01/2022/QĐ-TGD | 12-01-2022 | Quyết định về việc chi tạm ứng cổ tức năm |
| 3 | 02/2022/NQ-HĐQT | 08-3-2022 | Nghị quyết về việc tổ chức ĐHĐCĐTN |
| 4 | 12/2022/DHP/NQ- | 06-5-2022 | Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022 |
| 5 | 02/2022/QĐ-TGD | 13-06-2022 | Quyết định về việc chi cổ tức còn lại của |
| 6 | 03/2022/NQ-HĐQT | 07-12-2022 | Nghị quyết về việc chi tạm ứng cổ tức năm |

VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại quạt điện bao gồm quạt dân dụng, quạt công nghiệp, quạt nhập khẩu và cung cấp các linh kiện cơ khí cho các Công ty sản xuất quạt điện trong nước.

Hoạt động sản xuất quạt điện: Bao gồm 2 dòng sản phẩm chính là quạt dân dụng và quạt công nghiệp, trong đó sản phẩm truyền thống là quạt “Phong Lan” - hơn 39 mẫu đã có thương hiệu và vị thế trên thị trường tiêu thụ chính là thành phố Hải Phòng và các khu vực miền Bắc. Dòng sản phẩm quạt công nghiệp đã được đăng ký bảo hộ nhãn hiệu mang thương hiệu “Gale” - hơn 58 mẫu đã và đang có chỗ đứng vững chắc trên thị trường cả nước.

Hoạt động kinh doanh nhập khẩu: Công ty cũng tiến hành phân phối trực tiếp các dòng sản phẩm quạt điện cao cấp của Nhật Bản (hơn 23 mẫu sản phẩm) mang thương hiệu Mitsubishi để phân phối tại Việt Nam từ Đà Nẵng trở ra. Trong hai năm diễn ra dịch bệnh Covid-19, sức mua của thị trường giảm, ảnh hưởng trực tiếp tới việc sản xuất hàng xuất khẩu của công ty. HĐQT yêu cầu Ban TGD tích cực tìm các giải pháp kích cầu tiêu thụ nội địa, tìm kiếm và mở rộng thị trường, tìm khách hàng mới, xây dựng kịp thời các gói sản phẩm để kích cầu đối với các Nhà phân phối và Đại lý của Công ty

Hoạt động sản xuất linh kiện: bao gồm lồng quạt, linh kiện nhựa, vật tư bán thành phẩm để cung cấp cho các đơn vị sản xuất quạt điện trong nước.

Hoạt động chính mang lại lợi nhuận:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại lợi nhuận chính cho DHP vẫn là những sản phẩm quạt truyền thống mang thương hiệu “Phong Lan” và “GALE” đồng thời là những hoạt động sản xuất linh kiện, bán thành phẩm cho các Công ty sản xuất trong nước.
- Khách hàng chính của DHP về mảng linh kiện này là những nhà sản xuất có thương hiệu và thị phần tốt như Điện cơ Thống Nhất (Vinawind), Công ty Hà Nội Chinghai Electric, Công ty TNHH MTV Quang điện điện tử Bộ quốc phòng... do đó nhu cầu tiêu thụ khá cao và có khả năng đảm bảo về khả năng thanh toán.
- DHP cũng là một trong số ít các doanh nghiệp thực hiện gia công linh kiện cho các nhà máy quạt điện nội địa, do đó hoạt động này có mức biên lợi nhuận rất tốt so với biên gộp của hoạt động sản xuất quạt điện.

VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (...tiếp)



A. Các khoản đầu tư lớn: Hợp tác liên doanh để khai thác-cho thuê văn phòng tại tòa nhà văn phòng số 20 Đinh Tiên Hoàng-Hồng Bàng-Hải Phòng.

B. Công ty con, Công ty liên kết: Không.

C. Tình hình tài chính:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 162.352.183.929 | 143.988.172.229 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 2 | 16.983.358.787 | 6.654.091.279 |
| 1. Tiền | 111 | | 2.983.358.787 | 3.654.091.279 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 14.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 3 | 11.000.000.000 | 10.777.753.967 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 11.000.000.000 | 10.777.753.967 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 8.944.949.405 | 22.758.295.791 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 4 | 8.003.001.606 | 13.610.640.188 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5 | 336.304.924 | 8.320.337.188 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 6 | 1.042.132.483 | 1.183.350.276 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 8 | (436.489.608) | (356.031.861) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 9 | 122.622.324.659 | 101.377.986.616 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 122.622.324.659 | 101.377.986.616 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 2.801.551.078 | 2.420.044.576 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 10 | 96.190.930 | 260.234.918 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 2.705.360.148 | 1.580.382.098 |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 153 | 15 | - | 579.427.560 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 69.147.850.561 | 70.508.824.835 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 47.185.322.826 | 49.390.586.172 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 11 | 47.185.322.826 | 49.390.586.172 |
| - Nguyên giá | 222 | | 109.705.831.316 | 105.389.714.044 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (62.520.508.490) | (55.999.127.872) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 12 | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 120.000.000 | 120.000.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (120.000.000) | (120.000.000) |
| II. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 648.669.477 | - |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 648.669.477 | - |
| III. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 3 | 20.039.000.000 | 20.039.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 20.039.000.000 | 20.039.000.000 |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.274.858.258 | 1.079.238.663 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 10 | 1.274.858.258 | 1.079.238.663 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 231.500.034.490 | 214.496.997.064 |

VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (...tiếp)



C. Tình hình tài chính: (tiếp theo)

Đơn vị: VND

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 62.902.092.069 | 49.756.308.238 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 62.902.092.069 | 49.656.308.238 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 13 | 15.066.655.248 | 15.609.491.679 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 14 | 8.418.112.811 | 2.833.066.988 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 15 | 777.963.802 | 543.934.647 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 4.132.695.409 | 4.200.365.438 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 16 | 1.247.236.224 | 1.020.503.249 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | | 38.407.066 | 87.096.911 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 17 | 29.215.112.368 | 21.706.342.793 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 4.005.909.141 | 3.655.506.533 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | 100.000.000 |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 17 | - | 100.000.000 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 168.597.942.421 | 164.740.688.826 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 18 | 168.597.942.421 | 164.740.688.826 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 94.922.000.000 | 94.922.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 94.922.000.000 | 94.922.000.000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 11.308.385.772 | 10.119.092.734 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 62.367.556.649 | 59.699.596.092 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 48.474.792.689 | 47.323.857.506 |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 13.892.763.960 | 12.375.738.586 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 231.500.034.490 | 214.496.997.064 |

VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (...tiếp)

C. Tình hình tài chính: (tiếp theo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước (trình bày lại) |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 264.612.370.772 | 264.393.246.319 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 1.388.415.134 | 2.568.728.366 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | 20 | 263.223.955.638 | 261.824.517.953 |
| 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 21 | 224.220.525.074 | 226.743.886.892 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 39.003.430.564 | 35.080.631.061 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 23 | 2.878.437.066 | 2.224.252.106 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 24 | 3.909.394.908 | 3.296.461.499 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 683.358.990 | 238.974.610 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 25 | 3.909.885.943 | 4.964.924.493 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 25 | 15.203.265.302 | 13.814.864.092 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 16.859.321.477 | 15.228.633.083 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 406.675.556 | 91.099.010 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 42.084 | 58.860 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 406.633.472 | 91.040.150 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 17.265.954.949 | 15.319.673.233 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 26 | 3.373.190.989 | 2.943.934.647 |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51) | 60 | | 13.892.763.960 | 12.375.738.586 |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 27 | 1.464 | 1.252 |

VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (...tiếp)



C. Tình hình tài chính: (tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | 291.956.160.951 | 277.647.757.591 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | (245.578.991.162) | (239.743.979.030) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (19.367.468.400) | (19.307.944.804) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | (681.212.303) | (222.346.808) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | (3.144.135.004) | (3.150.238.544) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 1.718.937.112 | 1.669.145.665 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | (9.576.539.138) | (11.414.436.334) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 15.326.752.056 | 5.477.957.736 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | 21 | (4.625.786.749) | (2.010.743.175) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | - | 550.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (46.364.594.794) | (10.777.753.967) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 46.142.348.761 | - |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 1.934.622.375 | 430.319.164 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (2.913.410.407) | (12.357.627.978) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 94.857.822.929 | 77.465.673.579 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (87.449.053.354) | (63.743.869.067) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (9.492.200.000) | (9.492.200.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (2.083.430.425) | 4.229.604.512 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | 10.329.911.224 | (2.650.065.730) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 6.654.091.279 | 9.312.574.534 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (643.716) | (8.417.525) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | 16.983.358.787 | 6.654.091.279 |

VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (...tiếp)

D. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư sở hữu:

Cổ phần: Thành viên HĐQT, BKS không thực hiện giao dịch trong năm 2022.

E. Đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

- Trong năm 2022, Công ty vẫn tiếp tục duy trì tốt việc niêm yết cổ phiếu DHP trên thị trường chứng khoán. Công tác Công bố thông tin trên thị trường được Công ty luôn chấp hành đúng thời hạn và quy định.
- Các nhóm hàng cốt lõi của doanh nghiệp: Quạt điện Phong lan, Gale đều bị sụt giảm sản lượng tiêu thụ. Thị trường xuất khẩu quạt Phong lan gặp nhiều khó khăn do khủng hoảng kinh tế, chính trị...
- Chi phí sản xuất đầu vào năm 2022 vẫn bị ảnh hưởng của vật tư, BTP đầu vào tăng giá từ năm 2021 (nguyên liệu nhựa tăng từ 30 – 40%; dây đồng tăng trên 60%; thép cán nguội tăng trên 200%.....), các doanh nghiệp cùng ngành đã thực hiện các đợt điều chỉnh tăng giá bán từ cuối năm 2021 và đầu năm 2022. Giá bán của công ĐCHP cũng đã điều chỉnh tăng 2 đợt: Tăng 10% giá quạt Phong lan tại thời điểm T12/2020. Đến T4/2021 tăng tiếp 10% giá quạt Phong lan và 5% đối với quạt công nghiệp Gale. Quạt Mitsubishi cũng liên tục tăng giá trong bối cảnh chung.
- Việc tăng giá ảnh hưởng trực tiếp và tỉ lệ nghịch với sản lượng tiêu thụ. Trên thị trường, sản phẩm quạt gia dụng của chúng ta phải cạnh tranh với các đối thủ có tỉ lệ tăng giá thấp hơn. Bên cạnh đó, nền kinh tế Việt nam cũng như các nước trên Thế giới tiếp tục rơi vào chu kỳ khủng hoảng, suy thoái. Nhu cầu tiêu thụ giảm, các chính sách, chương trình marketing thúc đẩy tiêu thụ hàng hoá không mang lại hiệu quả như mong muốn.
- Về mặt ngắn hạn, đây là 1 trong những yếu tố tác động đến giảm sản lượng tiêu thụ quạt. Về mặt dài hạn, khi thị trường chung dần thích nghi, nhu cầu sẽ tăng trưởng trở lại, nguồn cung sẽ tự điều chỉnh về mặt bằng cạnh tranh chung, sản lượng tiêu thụ hàng hoá sẽ trở về quỹ đạo vốn có của nó. ĐCHP sẽ xây dựng chiến lược vượt trội so với các doanh nghiệp cạnh tranh thì mới có thể mở rộng thị phần.
- Sản lượng quạt Phong lan còn có tiềm năng tăng trưởng trong nhiều năm tới do dung lượng thị trường còn lớn để có thể mở rộng thị phần. Năm 2023, công ty phát triển thêm 4 model mới với mẫu mã, giá cả cạnh tranh hơn các model cùng loại hiện có, là tiền đề để tăng sản lượng. Tuy nhiên, để đạt bước tăng trưởng đột phá về sản lượng, công ty cần giải quyết bài toán về đào thải các model cũ cùng loại với giá cả kém cạnh tranh, nhưng có lượng tiêu thụ ổn định nhiều năm, đóng góp tỉ lệ lợi nhuận nhất định trong tổng cơ cấu sản phẩm.

VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (...tiếp)

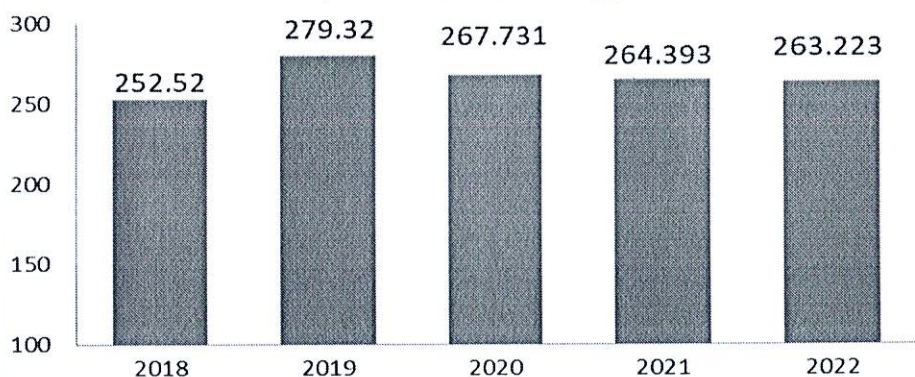


- Nhóm quạt Mitsubishi: Là dòng sản phẩm dành cho phân khúc cao trên thị trường. ĐCHP tiếp tục duy trì mối quan hệ bền vững, chiến lược với Mitsubishi Electric (MEVN) và chiếm ưu thế với vai trò tổng thầu phân phối khu vực phía Bắc, chuyên về kênh tiêu thụ truyền thống. Việc hợp tác với MEVN là điều kiện thuận lợi để ĐCHP kết nối với hệ thống khách hàng ở phân khúc cao, tiếp thu học hỏi phương pháp quản trị, bán hàng của các tập đoàn sản xuất đồ điện gia dụng hàng đầu thế giới. Sản lượng tiêu thụ năm 2022 có sự tăng trưởng cả về sản lượng và doanh số do chúng ta khai thác được thêm kênh khách hàng dự án. Để giữ ổn định và tăng trưởng thị trường quạt Mitsubishi, đội ngũ kinh doanh của công ty phải luôn nhạy bén nắm bắt và xử lý các xung đột thị trường từ các kênh phân phối và tổng thầu khác của cùng sản phẩm Mitsubishi.
- Nhóm Vật tư và BTP khác: Gồm Bobbin nhựa quấn dây đồng, linh kiện nhựa, hạt nhựa, sắt thép... Doanh số năm 2022 tăng 5,82% so với kế hoạch do kế hoạch đầu năm chúng ta xây dựng ở mức khiêm tốn và tập trung vào những ngành hàng có tính bền vững là sản phẩm quạt điện dân dụng Phong lan và quạt công nghiệp Gale. Đây là các sản phẩm có thương hiệu, hàng năm các sản phẩm trên chiếm một lượng thị phần ổn định trên thị trường.
- Thị trường quạt điện có tính cạnh tranh cao, cùng với ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, ảnh hưởng của giá cả vật tư tăng cao. Mặc dù tập thể CBCNV đã nỗ lực cải tiến CLSP, phát triển sản phẩm mới, tăng năng suất lao động, hạ giá thành nhằm tăng tính cạnh tranh của sản phẩm, đáp ứng đầy đủ lượng hàng hoá tại các thời điểm thị trường có sức hút lớn. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ và doanh số năm 2022 chưa đạt tăng trưởng như kỳ vọng. Ngoài yếu tố khách quan, vấn đề tồn tại lớn là chất lượng sản phẩm chưa được kiểm soát triệt để, còn xảy ra tình trạng lỗi hàng hoạt với một số dòng sản phẩm. Thực trạng trên yêu cầu công ty phải nâng cấp hệ thống đội ngũ kỹ thuật, KCS là những bộ phận có vai trò quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng sản phẩm của công ty.
- Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động SXKD năm 2022 vẫn duy trì ổn định và đạt 13,492 tỷ (tăng 8,81% so kế hoạch đề ra), mặc dù sản lượng tiêu thụ 2 nhóm hàng cốt lõi giảm nhiều so với kế hoạch đề ra.

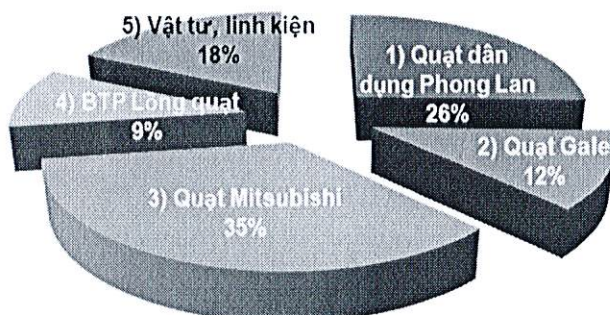
VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (...tiếp)



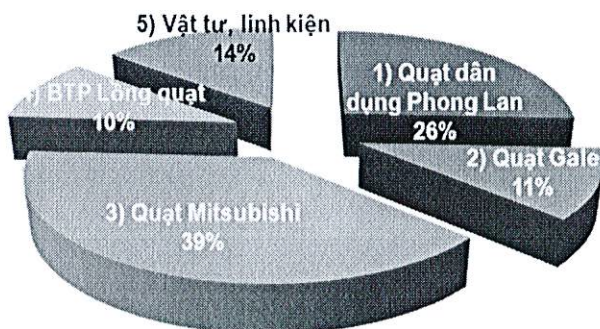
Doanh thu bán hàng từ 2017 - 2021
(đơn vị: Tỷ đồng)



Cơ cấu doanh thu năm 2021:



Cơ cấu doanh thu năm 2022:



VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (...tiếp)



F. Định hướng và mục tiêu của HĐQT:

1. Khẳng định vững mạnh về tổ chức, phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.



Xác định được mục tiêu chiến lược là gia tăng thị phần của Công ty, khẳng định thương hiệu bằng chính chất lượng sản phẩm của mình đạt được vị thế vững chắc tại thị trường trong nước phần đầu là sản phẩm đại diện cho thương hiệu Việt Nam chất lượng cao, gia tăng giá trị thương hiệu và chiếm được lòng tin trong mắt người tiêu dùng.

Từng bước chuyển dịch cơ cấu doanh thu, tạo nguồn thu ổn định thường xuyên từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Chiến lược phát triển:

Phát huy tối đa kinh nghiệm và nguồn lực hiện có để đẩy mạnh phát triển lĩnh vực chính. Duy trì và đẩy nhanh hơn nữa tốc độ tăng trưởng của công ty, tối đa hóa lợi ích của khách hàng để tạo giá trị gia tăng chung cho công ty và xã hội.

Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015 tại các Phòng ban, Phân xưởng. Tiếp tục thực hiện và duy trì mô hình quản lý theo tiêu chuẩn 5S do Tổ chức Jica Nhật Bản tư vấn và hướng dẫn đồng thời áp dụng tại các phân xưởng còn lại trong Công ty.

3. Các mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng:

- Đối với người tiêu dùng: Cung cấp những sản phẩm đạt chất lượng cao nhằm khai thác tốt và đẩy mạnh ý thức người Việt dùng hàng Việt trong người tiêu dùng Việt Nam.
- Đối với khách hàng và đối tác: Luôn đề cao tinh thần hợp tác cùng phát triển, luôn coi khách hàng và đối tác như một người bạn đồng hành, đảm bảo quyền lợi tối đa cho khách hàng và đối tác bằng những chính sách hấp dẫn và lâu dài.
- Đối với đội ngũ nhân viên: Lấy con người làm yếu tố then chốt trong sự nghiệp xây dựng và phát triển, tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho lao động địa phương, tiếp thu những công nghệ tiên tiến nước ngoài nhằm mục đích phục vụ nhu cầu trong nước, thay thế các sản phẩm nhập ngoại tiết kiệm ngoại tệ cho đất nước.

VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (...tiếp)



G. Các rủi ro:

1. Rủi ro kinh tế:

Sự biến động: của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng.

Nền kinh tế Việt Nam vẫn còn đối mặt với nhiều rủi ro bất lợi, do khoảng đệm chính sách còn hạn chế nên các cú sốc bên ngoài và trong nước có thể ảnh hưởng lên sự ổn định kinh tế vĩ mô. Kinh tế tăng trưởng chậm khiến cho nhu cầu đối với các sản phẩm quạt điện và linh kiện quạt của Công ty bị giảm sút trong ngắn hạn. Đồng thời cũng ảnh hưởng đến việc mở rộng kinh doanh sang các lĩnh vực khác của Công ty như kinh doanh sắt thép.

Để quản lý các rủi ro do tác động của môi trường kinh tế vĩ mô, Công ty đã tiến hành dự báo tình hình phát triển kinh tế để lập kế hoạch kinh doanh phù hợp với các kịch bản tăng trưởng trong tương lai.

Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện tiết kiệm chi phí một cách triệt để nhằm gia tăng biên lợi nhuận của lĩnh vực kinh doanh truyền thống và các lĩnh vực kinh doanh khác.

Tỷ giá: Hiện nay, một số nguồn nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm của Điện cơ Hải Phòng một phần được nhập khẩu từ nước ngoài. Do đó, giá cả nguyên vật liệu có thể bị tác động bởi những biến động về tỷ giá và gây tác động tăng chi phí sản xuất của Công ty. Đây là rủi ro khách quan và Công ty cũng sẽ điều chỉnh giá đầu vào cũng như điều chỉnh giá bán.

Để giảm thiểu ảnh hưởng của loại rủi ro này, Công ty luôn theo sát chính sách quản lý tiền tệ của Nhà nước, thường xuyên tiến hành công tác dự báo biến động giá cả của nguyên vật liệu, tiến hành lựa chọn nhà cung cấp có uy tín, có nguồn hàng ổn định và hợp tác lâu dài với Công ty để từ đó chủ động nhập khẩu và tồn trữ nguyên vật liệu vào thời điểm thích hợp nhằm đảm bảo sự ổn định của giá nguyên vật liệu.

VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (...tiếp)



2. Rủi ro luật pháp:

Là Công ty hoạt động trong ngành sản xuất quạt điện và linh kiện quạt nên Công ty cũng chịu ảnh hưởng từ các chính sách Nhà nước như: định hướng phát triển ngành, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế....

Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Đến nay, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới nên sẽ tiến hành từng bước những cải tổ về hành lang pháp lý phù hợp với thông lệ quốc tế. Quá trình chỉnh sửa, hướng dẫn các văn bản Luật kéo dài và có nhiều văn bản chồng chéo gây khó khăn trong hoạt động của doanh nghiệp. Do vậy, những biến động về pháp luật đều tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Do đó, nhằm hạn chế rủi ro, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước cũng như pháp luật để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp cho từng thời kỳ.

3. Rủi ro tài chính:

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết:

Giá của một loại cổ phiếu tại từng thời điểm được xác định bởi cung cầu trên thị trường, mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư.

Việc biến động giá cổ phiếu của Công ty sẽ không chỉ phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin, tình hình cung cầu của thị trường đối với cổ phiếu của Công ty...

VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (...tiếp)



Để giảm thiểu tối đa những rủi ro có thể xảy ra đối với biến động giá cổ phiếu, Công ty đã ban hành Quy trình Công bố thông tin. Công ty và các cá nhân có liên quan đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định của Nhà nước hướng dẫn công bố thông tin trên TTCK.

Điều này sẽ giúp các nhà đầu tư tiếp cận được với những thông tin liên quan của Công ty một cách chính xác và hiệu quả. Từ đó, các nhà đầu tư có thể đưa ra được quyết định đầu tư đúng đắn hơn.

5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro kể trên, Công ty cũng có khả năng gặp phải các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này, Công ty đã mua bảo hiểm rủi ro cho các tài sản như nhà xưởng, hàng hóa thành phẩm tồn kho và bảo hiểm con người.

Định hướng—Mục tiêu:

Quy mô hiện ở mức trung bình ngành. DHP hiện có 2 nhà máy sản xuất đều đặt tại Hải Phòng. Nhà máy tại 734 Nguyễn Văn Linh với năng lực sản xuất hơn 250.000 chiếc/năm và 1,5 – 1,8 triệu bộ lồng quạt/năm.

Nhà máy sản xuất tại KCN Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng chủ yếu để sản xuất các loại quạt công nghiệp, có công suất đạt 70.000 chiếc/năm và năng lực sản xuất lồng quạt công nghiệp đạt 200.000-250.000 bộ/năm.

Thị trường mục tiêu của DHP là phân khúc khách hàng bình dân, với trên 70 sản phẩm khác nhau có các chủng loại mẫu mã rất đa dạng để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. So với doanh nghiệp đứng đầu ngành là Vinawind thì công suất sản xuất của DHP không cao, tuy nhiên tại thị trường tiêu thụ chính là TP Hải Phòng thì DHP là doanh nghiệp sản xuất quạt điện có quy mô lớn nhất hiện nay.

Chiếm 60% thị phần quạt điện tại Hải Phòng. Các thị trường tiêu thụ chính là Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Ninh, Thái Bình và Hà Nội; trong đó Hải Phòng vẫn là thị trường tiêu thụ chủ yếu, chiếm khoảng 40% sản lượng tiêu thụ của Công ty.

Đối với phân khúc thị trường cao cấp, DHP không trực tiếp sản xuất sản phẩm mà thực hiện thông qua việc phân phối quạt điện nhập khẩu từ Nhật Bản mang nhãn hiệu Mitsubishi. Giá bán bình quân của dòng sản phẩm này khoảng 1,5—2,5 triệu VNĐ/chiếc.

VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (...tiếp)



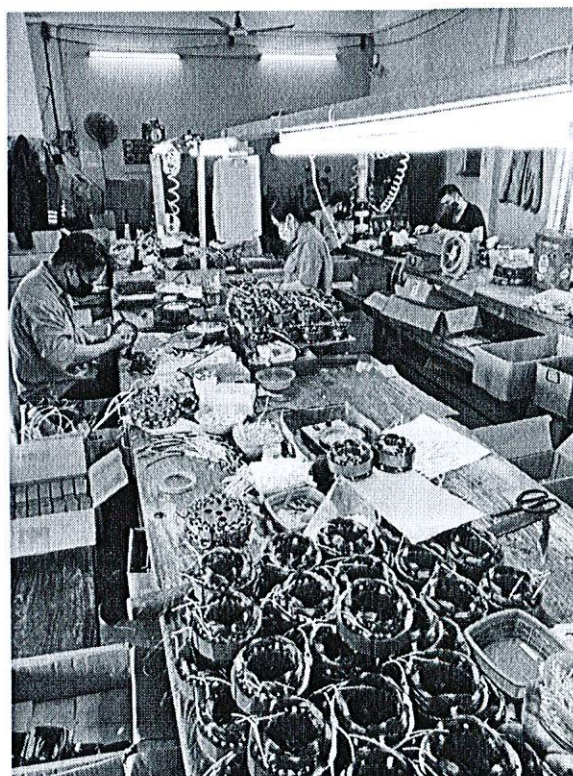
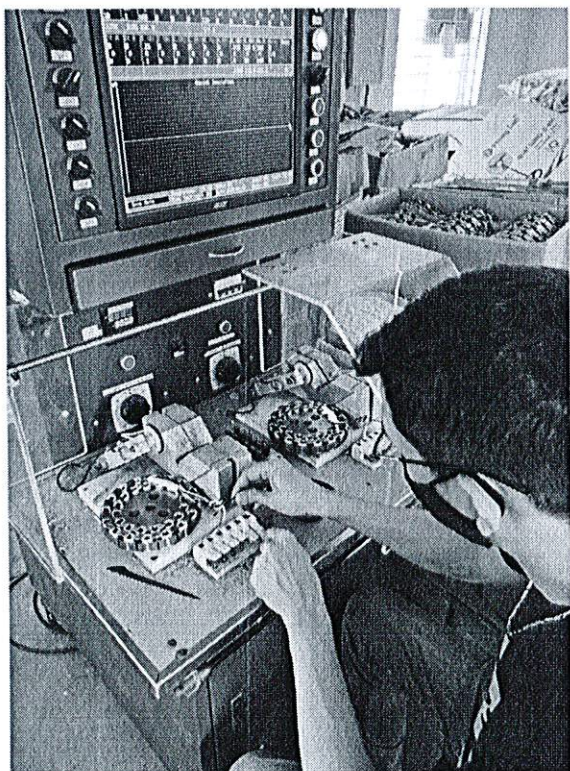
Việc là nhà phân phối độc quyền dòng sản phẩm này tại thị trường miền Trung từ Đà Nẵng ra miền Bắc đã tạo lợi thế tiêu thụ lớn cho DHP. Trong đó Mitsubishi là một trong 3 thương hiệu quạt điện nhập ngoại được ưa chuộng nhất hiện nay, bên cạnh Sharp và Panasonic. Trong cơ cấu doanh thu của Công ty, mảng kinh doanh thương mại và sản xuất quạt điện đang có tỷ trọng tương đương nhau.

Điều này có được nhờ thương hiệu quạt điện Phong Lan, Gale đã được xây dựng khá tốt, giúp Công ty duy trì được thị phần tiêu thụ tốt tại Hải Phòng; đồng thời hoạt động cung cấp linh kiện của Công ty cũng rất ít đối thủ cạnh

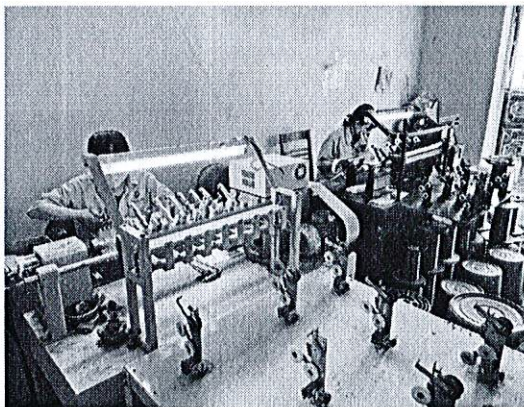
Tốc độ tăng trưởng tốt: Công ty vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận khá đều đặn. Trung bình trong vòng 5 năm trở lại đây, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của DHP tăng trưởng bình quân trên 5%/năm.

Tỷ lệ nợ vay an toàn: Toàn bộ nợ vay của Công ty hiện tại chủ yếu là nợ ngắn hạn để tiến hành mua vật tư, Bán thành phẩm phục vụ SXKD và đang được kiểm soát ở mức khá an toàn.

Biên lợi nhuận duy trì ổn định: Trong cơ cấu sản xuất của Công ty, chi phí nguyên liệu chiếm khoảng 70%, chủ yếu là thép, hạt nhựa, sơn bột tĩn điện, dây đồng... Nguyên liệu chủ yếu được đặt hàng từ các nhà sản xuất trong nước, ngoại trừ hạt nhựa được nhập trực tiếp từ Đài Loan, Hàn Quốc...



VIII. NĂNG LỰC SẢN XUẤT, TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ



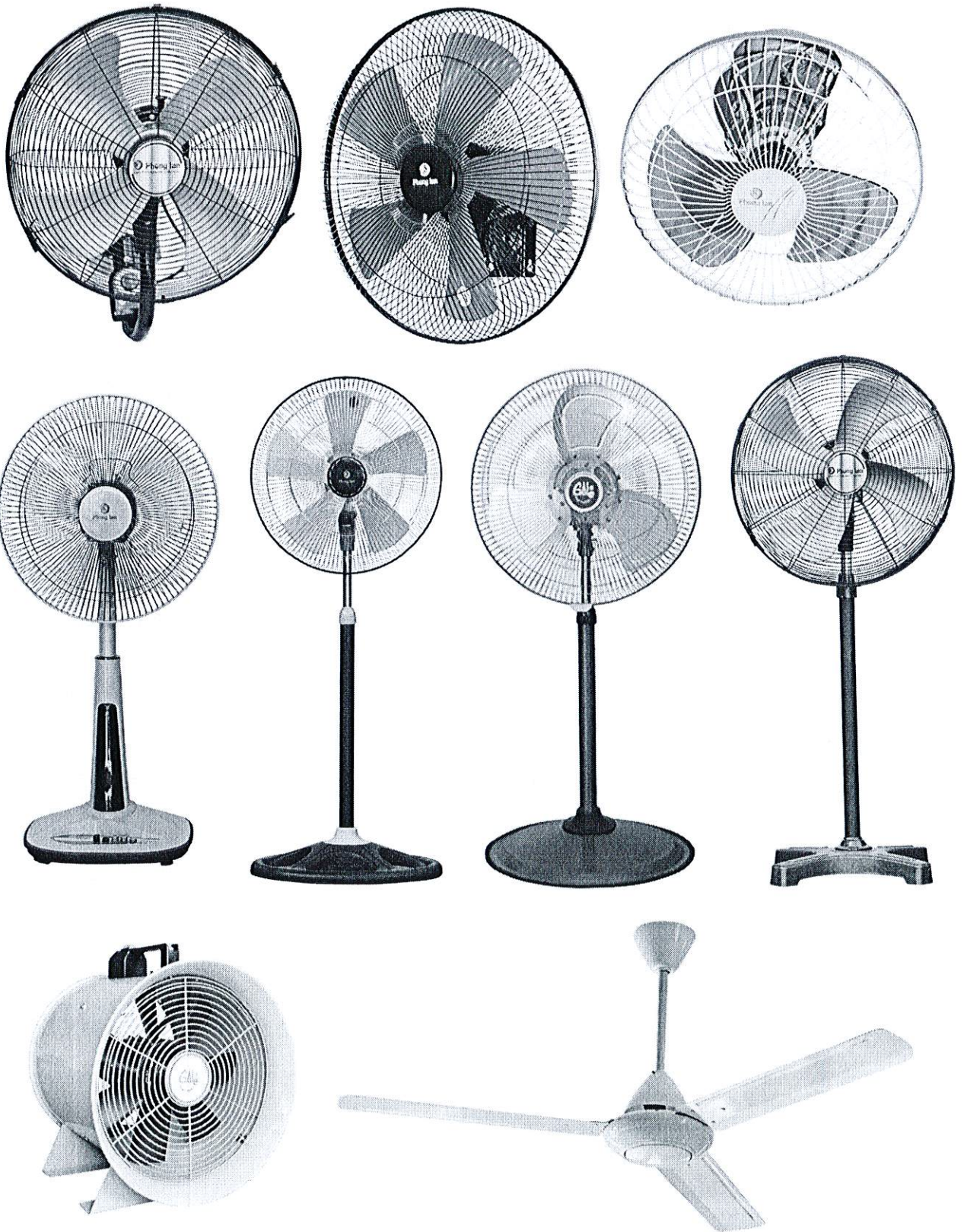
1. Quạt điện dân dụng các loại: 250.000 cái/năm;
2. Lồng quạt các loại: 1.500.000 – 1.800.000 bộ/năm;
3. Quạt điện công nghiệp: 70.000 cái/năm;
4. Lồng quạt công nghiệp: 250.000 bộ/năm;
5. Bộ linh kiện khác: 85.000 bộ/năm.

- Quạt điện các loại: bao gồm các loại quạt dân dụng, quạt công nghiệp và quạt nhập khẩu với các thương hiệu Phong Lan, Gale và Mitsubishi của Nhật do Công ty độc quyền phân phối ở khu vực Miền Bắc đã trở thành mặt hàng quen thuộc với người tiêu dùng, đặc biệt ở thị trường Hải Phòng, các tỉnh thành phía Bắc và một số các tỉnh thành ở miền Trung, miền Nam do những đặc điểm nổi trội của sản phẩm là mẫu mã đa dạng, bền, đẹp, tiết kiệm điện năng và giá thành rất cạnh tranh, phù hợp với mọi tầng lớp người tiêu dùng. Đây là nhóm sản phẩm chính của Công ty, chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu hàng năm, trên 65% doanh thu.

- Lồng quạt các loại: là mảng kinh doanh lớn thứ hai của Công ty sau nhóm sản phẩm quạt điện các loại. Lồng quạt của Điện cơ Hải Phòng đã tạo được chỗ đứng vững chắc trên thị trường do sản phẩm có chất lượng tốt mà giá lại rất cạnh tranh. Hiện nay, ngoài việc sản xuất lồng quạt phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty, Công ty còn nhận sản xuất và gia công các loại lồng quạt theo đơn đặt hàng cho các công ty như : Công ty Điện cơ Thống Nhất, Công ty TNHH MTV Quang điện – Điện tử v..v.

- Vật tư, bán thành phẩm khác: Công ty cung cấp linh kiện nhựa quạt, các chi tiết cơ khí ... cho các khách hàng là các nhà sản xuất quạt điện. Nhóm sản phẩm này chiếm tỷ trọng tương đối trong cơ cấu doanh thu của Công ty.

VIII. NĂNG LỰC SẢN XUẤT, TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ (tiếp...)



IX. CƠ CẤU VÀ CÁC CHÍNH SÁCH



Chính sách cổ tức:

Công ty chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn cũng như trích lập các nguồn quỹ khác.

Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng Quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo quý hoặc 6 tháng nhưng không vượt quá mức số cổ tức dự kiến.

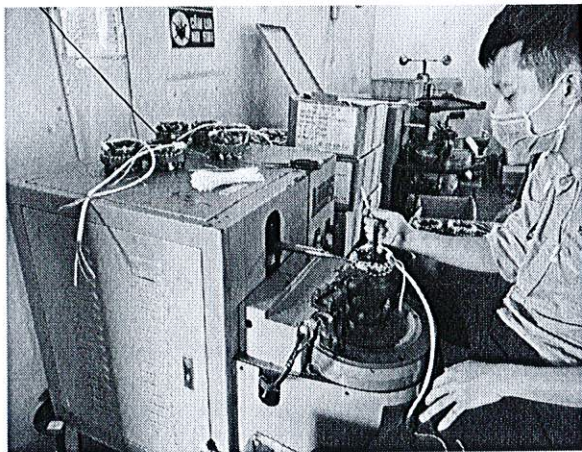
Bảo hiểm và phúc lợi:

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Hàng năm, công ty tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

- Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 163 người .

- Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2022 là **8.700.000** đồng/người/tháng.
- Đây là mức thu nhập cao so với các doanh nghiệp khác trong ngành và so với các doanh nghiệp khác trong cùng địa phương. Điều này cho thấy chính sách đãi ngộ đối với người lao động và hiệu quả sử dụng lao động của Công ty là tốt.
- Theo Luật doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ của Công ty quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo pháp luật hiện hành.

X. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY



- Điện cơ Hải Phòng đang đẩy mạnh phát triển thị phần, đa dạng hoá chủng loại, mẫu mã sản phẩm đồng thời từng bước hiện đại hoá hệ thống dây chuyền sản xuất để ĐCHP ngày càng phát triển vững mạnh hơn nữa và hướng đến mục tiêu trở thành một trong những Công ty hàng đầu ở Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất quạt điện và cung cấp linh kiện quạt điện.

- Đầu tư đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động, phát triển các phong trào

thi đua sáng tạo, có chính sách thu hút lao động chất lượng cao đặc biệt là lao động quản lý, đào tạo và nâng cao nghiệp vụ chuyên môn... nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng tốt hơn ;

- Chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của CB-CNV Công ty; xây dựng chính sách khen thưởng nhằm phát huy, kích thích tính sáng tạo của CBCNV; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, đoàn kết, tin cậy, trẻ hoá đội ngũ quản lý, xây dựng văn hoá doanh nghiệp.
- Áp dụng một cách có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015; tiếp tục triển khai và vận dụng mô hình 5S về quản lý Công ty.
- Kiểm soát tốt chi phí để xây dựng cơ cấu giá thành hợp lý, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường; tạo nguồn vốn để đầu tư có hiệu quả, mở rộng thị trường. Có kế hoạch sử dụng vốn, vòng quay vốn có hiệu quả;
- Kiểm tra giám sát hoạt động tài chính, kế toán đảm bảo việc tuân thủ chính sách của Công ty; thiết lập và quan hệ tốt với các Ngân hàng để có hình thức huy động vốn phù hợp với cơ cấu nguồn vốn của Công ty nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư mở rộng của Công ty;
- Từng bước xây dựng hệ thống dữ liệu khách hàng, phân loại khách hàng, có chính sách giữ vững và phát triển khách hàng lớn. Triển khai tốt hơn nữa công tác tiếp thị bán hàng, công tác Marketing, quảng bá hình ảnh của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng và tới người tiêu dùng.

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



1. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty:

- Trong năm 2022, HĐQT tiến hành giám sát công tác điều hành sản xuất kinh doanh đảm bảo theo đúng định hướng chiến lược đề ra của HĐQT và ĐHĐCĐ của công ty.
- Thường xuyên có 4 thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban hàng tháng để lắng nghe, chỉ đạo và quyết định kịp thời những vấn đề liên quan đến SXKD của công ty.
- Ban TGD cũng thường xuyên xuyên báo cáo về tình hình hoạt động SXKD của công ty trong năm 2022, định hướng và triển khai các nhiệm vụ trọng tâm nhằm huy động và phát huy các nguồn lực cần thiết về con người, vốn đầu tư, cơ chế hoạt động, chủ động khắc phục và bổ sung các nguồn lực còn thiếu.
- Thực hiện lập đánh giá, phân tích tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động trong SXKD hàng tháng và công bố Báo cáo tài chính soát xét bán niên, Báo cáo tài chính năm 2022 theo đúng quy định.
- Tập trung rà soát lại các quy trình, quy chế đang thực hiện tại công ty, từ đó cập nhật, sửa đổi và viết mới các quy trình nghiệp vụ nhằm thống nhất và phối hợp hoạt động giữa các bộ phận trong công ty.

2. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT, không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

3. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc:

Trong thực hiện nhiệm vụ do Điều lệ quy định và cụ thể hoá bằng các quy chế quản lý, các nghị quyết của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện một cách khẩn trương, kịp thời khắc phục khó khăn đề ra nhiều biện pháp quản lý và có hiệu quả trong điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nghiêm túc chấp hành đúng các quy định của Pháp luật, các chế độ báo cáo, chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn tài sản - an toàn lao động.

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM (...tiếp)



3. Thay đổi danh sách về người có liên quan và giao dịch của Cổ đông nội bộ và người có liên quan:

3.1 Giao dịch cổ phiếu: Không có

3.2 Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn và người có liên quan đến chính Công ty): Cổ đông lớn Nguyễn Quốc Tú đã bán toàn bộ cổ phần và hiện không còn là cổ đông lớn của Công ty.

4. Báo cáo tài chính:

4.1 Ý kiến kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán VACO là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty có ý kiến như sau: Chi tiết tại trang Phụ lục I.

4.1 Báo cáo tài chính được kiểm toán: Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2022 được gửi đến các Cơ quan hữu quan, Công bố tại tạp chí Tài chính Doanh nghiệp số 03/2022 đồng thời cũng đã đăng tải đầy đủ nội dung trong mục **Quan hệ Cổ đông/Công bố thông tin** tại website Công ty: <http://www.hapemco.vn>

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



MAI VĂN MINH



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 Lê Văn Lương
P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel: (84-24) 3577 0781/ Fax: (84-24) 3577 0787
Website: www.vaco.com.vn

Số: 076/VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 03 năm 2023, từ trang 04 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính (dưới đây gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0917-2023-156-1



Một số từ ngữ viết tắt:

| STT | Từ viết tắt | Giải nghĩa |
|-----|-------------|---|
| 1 | DHP | Mã chứng khoán: Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng |
| 2 | ĐCHP | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng |
| 3 | TV | Thành viên |
| 4 | HĐQT | Hội đồng Quản trị |
| 5 | BKS | Ban kiểm soát |
| 6 | TCHC | Tổ chức Hành chính |
| 7 | TCKT | Tài chính Kế toán |
| 8 | ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| 9 | BTP | Bán thành phẩm |
| 10 | SXKD | Sản xuất kinh doanh |
| 11 | TNDN | Thu nhập doanh nghiệp |
| 12 | CBCNV | Cán bộ Công nhân viên |
| 13 | CBTC | Công bố thông tin |

